

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TBV22B2LX**

Năm học: **22-23**

Mã môn học/ Mô đun: **MH01185**

Học kỳ: **01**

Tên môn học/ Mô đun: **Pháp luật**

Số tín chỉ: **1**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1		Hệ số 2		ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2256201162902	Nguyễn Trí Ân	29/10/2007		6	7.8		5.8		6.4
2	2256201162903	Võ Phúc Chương	09/06/2007		0	0.0		0.0	0.0	0.0
3	2256201162904	Từ Chí Dũng	27/04/2007		7	8.0		5.0		6.1
4	2256201162905	Ngô Võ Thúy Duyên	20/03/2007		5	5.0		0.0		2.0
5	2256201162906	Nguyễn Hữu Đoàn	22/04/2007		8	7.8		6.3		6.9
6	2256201162907	Trương Gia Hân	12/07/2007		8	8.3		8.8		8.6
7	2256201162908	Nguyễn Nhựt Hào	28/02/2002		0	0.0		0.0	0.0	0.0
8	2256201162909	Lê Đình Khang	31/10/2007		7	8.0		0.0		3.1
9	2256201162910	Nguyễn Hoàng Khang	09/02/2007		7	8.3		4.3		5.7
10	2256201162911	Trần Nhựt Khanh	10/06/2007		5	5.0		7.0		6.2
11	2256201162912	Cao Tuệ Mẫn	08/04/2007		9	8.0		9.3		8.9
12	2256201162913	Trần Thái Nam	20/09/2007		5	5.0		5.0		5.0
13	2256201162914	Trần Kim Ngọc	13/12/2007		8	7.8		8.0		7.9
14	2256201162915	Trần Thị Kim Ngọc	05/09/2007		8	7.8		6.8		7.2
15	2256201162916	Lại Thị Tuyết Nhi	23/05/2006		5	5.0		0.0		2.0
16	2256201162917	Nguyễn Lê Hiệp Phát	23/02/2007		8	7.0		9.3		8.5
17	2256201162918	Vũ Thị Bích Phương	08/08/2007		5	5.0		0.0		2.0
18	2256201162919	Chau Rék Smây	03/10/2007		7	7.0		6.0		6.4
19	2256201162920	Nguyễn Chí Tài	24/02/2007		5	5.0		7.8		6.7
20	2256201162921	Tô Thiện Tâm	08/09/2007		7	7.3		0.0		2.9
21	2256201162922	Đỗ Bảo Thy	12/09/2007		5	5.0		9.5		7.7
22	2256201162923	Lê Thị Mỹ Tiên	22/11/2006		8	8.3		8.3		8.3
23	2256201162924	Nguyễn Minh Trí	14/08/2007		8	8.5		7.5		7.8
24	2256201162925	Đào Quang Trung	11/04/2006		0	0.0		0.0	0.0	0.0
25	2256201162926	Trần Thành Trung	24/12/2006		8	7.8		0.0		3.1
26	2256201162927	Nguyễn Thị Ngọc Vy	11/05/2007		8	7.8		8.0		7.9
27	2256201162928	Nguyễn Thị Hồng Anh	19/08/2006		0	0.0		0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 24 tháng 4 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Văn Sầm